TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2025/HC - ST
Ngày: 29/9/2025
"V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và ông Nguyễn Hiếu Luân;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên;

Ngày 29/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 01/2025/TLST-HC ngày 10/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 09/9/2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HC ngày 18/9/2025, giữa các đương sự:

-*Người khởi kiện*: Ông **Dương Công C**, sinh năm 1954, HKTT tại: Thôn H, xã T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1962; trú tại: Thôn T1, xã T2, thành phố Hà Nội là Luật sư Công ty luật TNHH A -Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

-*Người bị kiện*: **Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội**; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn D – Chủ tịch UBND xã T. Người được ủy quyền là ông Nguyễn Đức T3 - Phó chủ tịch UBND xã T. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Người khởi kiện: Ông Dương Công C, tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:*

Gia đình ông Dương Công C là chủ sử dụng diện tích 2896 m2 đất nông nghiệp được cấp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ. Diện tích đất trên được UBND huyện T2 cấp GCNQSD đất số: P 386643 mang tên: Dương Văn C (Dương Công C), cấp ngày 09/10/1999. Gồm:

Thửa đất số: 317/13, tờ bản đồ số III, diện tích 178 m2;

↔

Thửa đất số 319/2, tờ bản đồ số III, diện tích 741 m2;
Thửa đất số 325/2, tờ bản đồ số II, diện tích 514 m2;
Thửa đất số 244/3, tờ bản đồ số III, diện tích 580 m2;
Thửa đất số 272/14, tờ bản đồ số III, diện tích 773 m2;
Thửa đất số: 13/6, tờ bản đồ số IV, diện tích 110 m2.

Năm 2005 gia đình ông C có thực hiện đổi ruộng với 04 hộ gia đình cùng địa phương gồm: Đặng Văn T5; Đặng Văn L (vợ là Bùi Thị H1); Đặng Văn T4; Lê Văn L1 để xây dựng kinh tế trang trại tại khu đồng ĐB. Diện tích gia đình ông C đổi về đồng ĐB là 2730 m2. Các diện tích ông C đã đổi là:

Thửa đất số 244/3, tờ bản đồ số III, diện tích 580 m2 đổi cho ông Đặng Văn T4;

Thửa đất số 319/2, tờ bản đồ số III, diện tích 741 m2 đổi cho hộ Đặng Văn L (vợ là Bùi Thị H1);

Thửa đất số 325/2, tờ bản đồ số II, diện tích 514 m2 đổi cho hộ Lê Văn L1;

Thửa đất số: 317/13, tờ bản đồ số III, diện tích 178 m2 và Thửa đất số 272/14, tờ bản đồ số III, diện tích 773 m2 đổi cho hộ Đặng Văn T5.

Năm 2013, khi địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa gia đình ông C đã tham gia gắp vé và diện tích sau dồn điền đổi thửa của gia đình ông C là 2896 m2 gồm: 2730 m2 tại khu trang trại ĐB, 110 m2 tại khu NĐ (mạ Chiên) và 56 m2 tại khu CR 1 (mạ Mùa).

Quá trình dồn điền đổi thửa tại địa phương các hộ Đặng Văn T4 và hộ Lê Văn L1 đã gắp vé nhận ruộng tại xứ đồng khác và đã được cấp GCNQSD đất mới. Hộ Đặng Văn T5 và Đặng Văn L không nhất trí gắp vé nhận ruộng tại xứ đồng khác và có đơn đòi lại diện tích đất ruộng đã đổi cho hộ ông C.

Tranh chấp giữa hộ ông C và hộ ông T5 đã được giải quyết thông qua 02 bản án: Bản án số: 07/2017/DSST ngày 19/9/2027 của Tòa án ND huyên T2 với nội dung: "*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hộ ông Đặng Văn T5 đối với hộ ông Dương Công C (Dương Văn C) về việc đòi lại thửa đất số 103/18 tờ bản đồ số III diện tích 1080 m2 đất nông nghiệp tại cánh đồng ĐB thuộc thôn H, xã NT, huyện T2, TP Hà Nội …".* Và Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội với nội dung quyết định: *không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T5 về việc sửa quyết định của bản án sơ thẩm số: 07/2017/DSST ngày 19/9/2017 của Tòa án ND huyện T2, TP Hà Nội.*

Với tranh chấp của hộ ông L và ông C, khi UBND xã NT (nay là xã T) mời hộ ông L lên để giải quyết nhưng hộ ông L đều không đến để giải quyết coi như từ bỏ nội dung đòi đất.

Khi các hộ gia đình khác tại địa phương đã được thu hồi GCNQSD đất cũ và cấp lại GCNQSD đất đối với các thửa đất mới. Nhưng hộ gia đình ông C lại không được thu hồi GCNQSD đất và cấp lại GCNQSD đất theo diện tích nhận sau dồn điền đổi thửa.

Căn cứ vào nội dụng Bản án số: 07/2017/DSST ngày 19/9/2027 của Tòa án ND huyện T2; Bản án số: 08/2019/DS- PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật; căn cứ vào chủ trương dồn điền đổi thửa, chủ trương cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các hộ sản xuất nông nghiệp. Ông C đã có đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đất số: P 386643 của gia đình để cấp lại GCNQSD đất mới theo đúng diện tích và vị trí thửa đất mà gia đình ông sử dụng sau dồn điền đổi thửa.

Ngày 03/10/2022, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số: 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông C. Trong Quyết định nêu rõ lý do thu hồi: *"Vị trí các thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Dương Văn C sử dụng đất tại xã NT có biến động thay đổi do thực hiện dồn điền đổi thửa, người sử dụng đất đăng ký biến động đất phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. theo điểm c, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013 quy định Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp sau đây: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;".*

Tại Điều 2 của Quyết định cũng nêu rõ: *"Giao UBND xã NT hướng dẫn ông Dương Văn C đang sử dụng đất tại xã NT làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kiểm tra, xác nhận nội dung Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường; chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T2 làm thủ tục báo cáo trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật."*

Ngày 14/11/2022, gia đình ông C tiếp tục gửi Đơn đề nghị UBND xã NT, huyện T2, TP Hà Nội *(nay là xã T)* hướng dẫn, hoàn thiện hồ sơ cấp lại GCNQSD đất theo đúng vị trí, diện tích đất nông nghiệp gia đình ông C đang sử dụng theo đúng Quyết định số 4776/QĐ-UBND nêu trên *(có "PHIẾU NHẬN ĐƠN" số 32/PTN-UBND ngày 14/11/2022).*

Nhưng đến nay UBND xã NT, huyện T2 vẫn không thực hiện nhiệm vụ của mình, không thực hiện Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện T2, TP Hà Nội. UBND xã NT đã không thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho gia đình tôi theo đúng quy định của pháp luật.

UBND xã NT, huyện T2 có nộp tại Tòa án:

1.Giấy xác nhận số: 283/GXN-TA ngày 23/05/2019 của Tòa án ND cấp cao tại Hà Nội về việc xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội của ông Đặng Văn T5 và sẽ tiến hành xem xét đơn đề nghị kháng nghị theo quy định của pháp luật.

2.Giấy xác nhận số: 701/QXN-VC1 ngày 10/09/2019 của Viện kiểm sát ND cấp cao tại Hà Nội về việc xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội

←···

của ông Đặng Văn T5 và sẽ tiến hành xem xét đơn đề nghị kháng nghị theo quy định của pháp luật.

UBND xã NT căn cứ 02 Giấy xác nhận nêu trên để cho rằng Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT đang chờ giải quyết Giám đốc thẩm, để không thực hiện nhiệm vụ của mình, không thực hiện việc hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho gia đình tôi là hoàn toán trái quy định.

Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội là bản án đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông T5 có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm với Bản án nêu trên cũng không làm mất đi tính hiệu lực thi hành ngay của Bản án. Đến thời điểm hiện tại, Chánh án Tòa án ND cấp cao tại Hà Nội; Viện trưởng Viện kiểm sát ND cấp cao tại Hà Nội cũng không hề ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án nêu trên. Theo đúng quy định tại điều 334 nêu trên thì thời hạn để người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị tối đa là 05 năm kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT của Tòa án ND TP Hà Nội được tuyên vào ngày 11/01/2019, theo đúng quy định nêu trên thì đến ngày 11/01/2024 là hết thời hạn để người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị Bản án nêu trên. Do vậy, đến hết ngày 11/01/2024 thì Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT của Tòa án ND TP Hà Nội không thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi. Tôi kính đề nghị Quý Tòa, Quý Thẩm phán chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình tôi, buộc UBND xã NT thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho gia đình tôi.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của đương sự nhất trí với quan điểm của người khởi kiện.

***** *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T2 tại Công văn số 80/UBND ngày 19/3/2025, báo cáo giải quyết đơn của ông Dương Công C. và cung cấp các tài liệu liên quan như:

1.Giấy xác nhận số: 283/GXN-TA ngày 23/05/2019 của Tòa án ND cấp cao tại Hà Nội về việc xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội của ông Đặng Văn T5;

2.Giấy xác nhận số: 701/QXN-VC1 ngày 10/09/2019 của Viện kiểm sát ND cấp cao tại Hà Nội về việc xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội của ông Đặng Văn T5;

3. Giấy giới thiệu số 03/GGT-UBND ngày 20/01/2021 của UBND xã NT đối với ông Dương Công C đến Tòa án nhân dân huyện T2 để liên hệ giải quyết tranh chấp đất đai;

⇢

4. Đơn đề nghị ngày 16/10/2022 của ông Dương Công C đề nghị UBND xã và ban Địa chính xã làm thủ tục cấp GCNQSD đất;

5.Phiếu nhận đơn ngày 17/10/2022 của UBND xã NT về việc tiếp nhận đơn của ông Dương Công C;

6. Biên bản hòa giải ngày 17/12/2020 về việc tranh chấp QSD đất;

7. Biên bản hòa giải ngày 23/12/2020 về việc tranh chấp QSD đất;

8.Quyết định số 4776/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Công C do có biến động do dồn điền đổi thửa;

9. Biên bản thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Công C;

10. Biên bản làm việc ngày 20/10/2022;

11. Biên bản làm việc ngày 25/11/2022, giữa UBND xã với ông Đặng Văn T5 và bà Nguyễn Thị Sạ và ông T5, bà Sạ cho rằng không nhất trí với bản án Phúc thẩm và tiếp tục kháng cáo đang chờ giải quyết;

12.Tờ trình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/TTr-UBND ngày 29/4/2022 Về việc đề nghị UBND huyện T2 thu hồi giấy chứng nhận QSD đất;

13.Báo cáo sô 31/BC-UBND ngày 29/4/2022 về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Dương Công C sau dồn điền đổi thửa.

14.Công văn số 130/CV-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã về việc liên quan đến đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa của hộ ông Dương Công C trong đó có 02 thửa đất số 103/18 và 103/19 đang nằm trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Đặng Văn T5 và ông Đặng Văn L.

15.Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 28/11/2022 gửi Phòng tài nguyên và môi trường huyện T2 của xã NT liên quan đến đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa của hộ ông Dương Công C;

16.Thông báo số 90/TB-UBND ngày 12/12/2022 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân về việc UBND xã đang xin ý kiến chỉ đạo của Phòng tài nguyên và môi trường huyện để UBND huyện hướng dẫn lập hồ sơ cấp Giấy CN QSD đất cho hộ ông C theo quy định.

17. Kết luận số 01/KL-UBND ngày 22/02/2023 Kết luận nội dung tố cáo của ông C với bà Lê Thị Hường nguyên công chức Địa chính xã.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của UBND xã T cho rằng do sát nhập địa giới hành chính từ 01/7/2025, trước đây vụ việc thuộc thẩm quyền lập hồ sơ, thủ tục để cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất nông nghiệp đối với hộ ông C là của UBND xã NT. Căn cứ vào các tài liệu do UBND xã NT cung cấp, trong đó có các tờ trình, công

văn, báo cáo cấp có thẩm quyền liên quan đến đơn đề nghị của ông Dương Công C và biên bản làm việc với những hộ có liên quan. Thể hiện trong số diện tích đất sau dồn điền, đổi thửa đối vớ hộ ông C đang quản lý và sử dụng thì có 02 thửa đất số 103/18 và 103/19 đang nằm trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Đặng Văn T5 và ông Đặng Văn L, chưa được cấp có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận QSD đất của 02 hộ nêu trên (do một mảnh đất không thể nằm trong 02 sổ đỏ của 02 hộ khác nhau) nên cần sự hướng dẫn của cấp có thẩm quyền nhưng nay sau sát nhập lại thuộc thẩm quyền của UBND xã T. Để có căn cứ giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giải quyết đơn khởi kiện của ông C theo đúng quy định của pháp luật. Để UBND xã căn cứ giải quyết đơn thư liên quan đến lập và cấp GCNQSD đất của hộ ông C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên đều giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội nghiên cứu đúng thời gian; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập và thực hiện đúng quy định của pháp luật; người khởi kiện, người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công C. Tuyên bố hành vi không thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật của UBND xã NT, huyện T2 (nay là UBND xã T) là trái pháp luật. Buộc UBND xã T phải thực hiện, hoàn thiện thủ tục và cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Dương Công C theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông Dương Công C 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện và Người bị kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của các bên và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng: Về đối tượng khởi kiện*: Người khởi kiện là ông Dương Công C khởi kiện người bị kiện là UBND xã NT, huyện T2 (Nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) về "*Hành vi không thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật*". Đây là hành vi chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

Thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Sau khi bản án số 07/2017/DSST ngày 19/9/2027 của Tòa án ND huyện T2; Bản án số: 08/2019/DS- PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội có hiệu lực pháp luật, ông Dương Công C đã nhiều lần làm đơn đến UBND xã NT để đề nghị làm thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật từ năm 2020 đến 22/02/2023 vẫn không được giải quyết. Ngày 24/7/2023, ông Dương Công C nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính lần đầu đến Tòa án nhân dân huyên T2 và sau nhiều lần sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện, đến 10/3/2025, Tòa án nhân dân huyện T2 (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội) thụ lý vụ án về hành vi nêu trên của UBND xã NT, là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

**Về nội dung vụ án*: Gia đình ông ông Dương Công C là chủ sử dụng diện tích 2896 m2 đất nông nghiệp được cấp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ. Diện tích đất trên được UBND huyện T2 cấp GCNQSD đất số: P 386643 mang tên: Dương Văn C (Dương Công C), cấp ngày 09/10/1999. Gồm 06 thửa.

Năm 2005, gia đình ông C có thực hiện đổi ruộng với 04 hộ gia đình cùng địa phương gồm: Đặng Văn T5; Đặng Văn L (vợ là Bùi Thị H1); Đặng Văn T4; Lê Văn L1 để xây dựng kinh tế trang trại tại khu đồng ĐB. Diện tích gia đình ông C đổi về đồng ĐB là 2730 m2.

Năm 2013, khi địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa gia đình ông C đã tham gia gắp vé và diện tích sau dồn điền đổi thửa của gia đình ông C là 2896 m2 gồm: 2730 m2 tại khu trang trại ĐB, 110 m2 tại khu NĐ (mạ Chiên) và 56 m2 tại khu CR 1 (mạ Mùa).

Quá trình dồn điền đổi thửa tại địa phương các hộ Đặng Văn T4 và hộ Lê Văn L1 đã gắp vé nhận ruộng tại xứ đồng khác và đã được cấp GCNQSD đất mới. Hộ Đặng Văn T5 và Đặng Văn L không nhất trí gắp vé nhận ruộng tại xứ đồng khác và có đơn đòi lại diện tích đất ruộng đã đổi cho hộ ông C.

Tranh chấp giữa hộ ông L và ông C, khi UBND xã NT *(nay là xã T)* mời hộ ông L lên để giải quyết nhưng hộ ông L đều không đến để giải quyết. Tranh chấp giữa hộ ông C và hộ ông T5 đã được giải quyết thông qua 02 bản án: Bản án số: 07/2017/DSST ngày 19/9/2027 của Tòa án ND huyên T2 với nội dung: "*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của*

hộ ông Đặng Văn T5 đối với hộ ông Dương Công C (Dương Văn C) về việc đòi lại thửa đất số 103/18 tờ bản đồ số III diện tích 1080 m2 đất nông nghiệp tại cánh đồng ĐB thuộc thôn H, xã NT, huyện T2, TP Hà Nội ...". Và Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội với nội dung quyết định: *không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T5 về việc sửa quyết định của bản án sơ thẩm số: 07/2017/DSST ngày 19/9/2017 của Tòa án ND huyện T2, TP Hà Nội.* Căn cứ vào 02 bản án đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, căn cứ vào chủ trương dồn điền đổi thửa, chủ trương cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các hộ sản xuất nông nghiệp. Ông C đã có đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đất số: P 386643 của gia đình để cấp lại GCNQSD đất mới theo đúng diện tích và vị trí thửa đất mà gia đình ông sử dụng sau dồn điền đổi thửa. Nhưng hộ gia đình ông C lại không được thu hồi GCNQSD đất và cấp lại GCNQSD đất theo diện tích nhận sau dồn điền đổi thửa.

Ngày 03/10/2022, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số: 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông C. Trong Quyết định nêu rõ lý do thu hồi: "*Vị trí các thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Dương Văn C sử dụng đất tại xã NT có biến động thay đổi do thực hiện dồn điền đổi thửa, người sử dụng đất đăng ký biến động đất phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. theo điểm c, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013 quy định Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp sau đây: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*;".

Tại Điều 2 của Quyết định cũng nêu rõ: *"Giao UBND xã NT hướng dẫn ông Dương Văn C đang sử dụng đất tại xã NT làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kiểm tra, xác nhận nội dung Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường; chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T2 làm thủ tục báo cáo trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật."*

Nhưng đến nay UBND xã NT, huyện T2 (nay là xã T) đã không thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông C mà cho rằng diện tích đất nông nghiệp ông C đang quản lý vẫn đang có tranh chấp *(liên quan đến 02 giấy nhận đơn số 283/GXN-TA ngày 23/05/2019 của Tòa án ND cấp cao tại Hà Nội và giấy xác nhận số: 701/QXN-VC1 ngày 10/09/2019 của Viện kiểm sát ND cấp cao tại Hà Nội về việc xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 của Tòa án ND TP Hà Nội của ông Đặng Văn T5 và sẽ tiến hành xem xét đơn đề nghị kháng nghị theo quy định của pháp luật*). Theo quy định của pháp luật thì bản án số 08/2019/DS-PT ngày 11/01/2019 có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án. Còn căn cứ theo quy định tại Điều 334 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 quy định thì thời hạn để người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị tối đa là 05 năm kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm số: 08/2019/DS-PT của Tòa án ND TP Hà Nội được xét xử

↵

vào ngày 11/01/2019 theo đúng quy định nêu trên thì đến ngày 11/01/2024 là hết thời hạn để người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngoài ra, UBND xã cho rằng hiện tại diện tích đất hộ ông C đang quản lý và sử dụng thì có 02 thửa đất số 103/18 và 103/19 đang nằm trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Đặng Văn T5 và ông Đặng Văn L (do một mảnh đất không thể nằm trong 02 Giấy chứng nhận của 02 hộ khác nhau). Theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 thì Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Còn việc thu hồi, hủy bỏ sổ cũ để điều chỉnh GCNQSD đất mới cho phù hợp, đúng với diện tích Hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng thực tế thì đó chỉ là biện pháp quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền của UBND các cấp theo quy định của pháp luật.

Bởi các lý do nêu trên, UBND xã NT (nay là xã T) thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ để hoàn thiện thủ tục và cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Dương Công C theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013) là còn thiếu sót. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Công C và cần buộc UBND xã NT, huyện T2 *(nay là xã T)* phải thực hiện thủ tục và cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa cho hộ ông Dương Công C theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên UBND xã T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vè quyền kháng cáo: Người khỏi kiện và người bị kiện có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Dương Công C đối với người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã NT (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) về Hành vi hành chính.

Tuyên bố hành vi không thực hiện hướng dẫn và hoàn thiện thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật của UBND xã NT, huyện T2 (nay là xã T, thành phố Hà Nội) cho hộ gia đình ông Dương Công C là trái quy định của pháp

↳

luật. Buộc UBND xã T phải thực hiện hoàn thiện thủ tục và cấp lại GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông Dương Công C theo đúng quy định của pháp luật.

2.Về án phí: UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả ông Dương Công C 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0016650 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội).

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện và người bị kiện có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 11 - Hà Nội ;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí